

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HS-PT

Ngày 25 - 9 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Tâm và ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2023/TLPT-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2023/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Quang Đ, sinh năm 2001 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị G; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2023 đến ngày 10 tháng 02 năm 2023 được tại ngoại; có mặt.

2. Vũ Văn T, sinh năm 2001 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 02 năm 2023 đến ngày 10 tháng 02 năm 2023 được tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở: Số nhà 26-27, thôn V, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Ngoài ra còn có 01 bị cáo, 01 bị hại và 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 18/01/2023, Nguyễn Văn N một mình điều khiển xe mô tô BKS 26P1-010... đi trên Quốc lộ 1A hướng Hà Nội đi Ninh Bình với mục đích để cướp giật tài sản. Khi đến địa phận thôn phố Bói, xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, Nam nhìn thấy xe mô tô BKS 29G1-848... do chị Nguyễn Thị Như Q điều khiển, phía sau chở chị Lê Thị Hoài T3, tay phải chị T3 cầm 01 túi xách màu trắng đặt trên đùi phải đi cùng chiều; N tăng ga, điều khiển xe mô tô áp sát phía bên phải xe mô tô của chị Q, dùng tay trái giật chiếc túi xách chị T3, chạy về hướng Ninh Bình; chị Q tri hô “Cướp” và điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, N đi đến ngã tư Xuân Thành thuộc xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm thì quay ngược lại về hướng Hà Nội, trên đường đi N dừng xe mở túi xách lấy 01 điện thoại di động Iphone 13, 01 điện thoại di động Samsung A02S, 01 ví da nữ màu trắng bên trong có số tiền 170.000 đồng, 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Thị Như Q; 02 Bảo hiểm xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 29G1-848... mang tên Lê Hải N1, 02 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe mô tô và 01 Thẻ sinh viên đều mang tên Lê Thị Hoài T3 rồi vứt chiếc túi xách trên đường đi không xác định địa điểm. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô đến cửa hàng điện thoại Apple House có địa chỉ tại số 392 Nguyễn Hữu Tiến, phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, gặp Vũ Văn T chủ cửa hàng và 02 nhân viên gồm: Phạm Quang Đ và Nguyễn Tiến Đ1. N đưa chiếc điện thoại Iphone 13 cho anh Đ1 và bảo “Cho em bán cái điện thoại em vừa nhặt được ở dọc đường”, anh Đ1 cầm, kiểm tra rồi đưa cho T1 xem và T1 mua chiếc điện thoại với giá 2.500.000 đồng. N cầm tiền, điều khiển xe mô tô đi khoảng 7km và tiếp tục vào 01 cửa hàng điện thoại bán chiếc điện thoại Samsung A02S cho 01 người nam giới với giá 500.000 đồng (N không nhớ tên cửa hàng, địa điểm cụ thể). Sau đó, N điều khiển xe mô tô đi về nhà lấy hết số tiền bên trong ví và cất giấu số giấy tờ đã cướp được trên nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của N.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Đ cầm chiếc điện thoại Iphone 13 T1 vừa mua kiểm tra và tìm cách mở khóa màn hình điện thoại. Đ tháo thẻ sim lắp trong điện thoại Iphone 13 ra và lắp vào điện thoại Iphone 11 Promax của Đ; sau đó, gọi vào số điện thoại di động của cửa hàng, xác định được số điện thoại là 0965.901..., Đ dùng số điện thoại này nhập vào mục tìm kiếm của phần mềm Zalo, phát hiện số điện thoại này được dùng để đăng ký tài khoản Zalo có tên “Nguyễn Như Quỳnh”. Sau khi truy cập vào trang cá nhân, Đ tìm thấy thông tin ngày, tháng, năm sinh của chị Q (28/11/1997), Đ thử nhập dãy số ngày, tháng và

2 số cuối năm sinh của chị Q (281197) và mở được khóa màn hình điện thoại của chị Q. Đ kiểm tra toàn bộ thư mục bên trong điện thoại, phát hiện trong thư mục “*Ghi chú*” có lưu tên tài khoản cùng mật khẩu đăng nhập các ứng dụng gồm: Ngân hàng Techcombank, Facebook, Icloud,... của chị Q. Đ liền mở ứng dụng Ngân hàng Techcombank, điền tên tài khoản cùng mật khẩu đăng nhập đã được lưu trong phần ghi chú và đăng nhập được vào tài khoản Ngân hàng số 19036605748... của chị Q mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), Đ thấy số dư trong tài khoản có hơn 50.000.000 đồng, nên nói cho T1 biết và đưa điện thoại cho T1 xem. Đến khoảng 16 giờ 16 phút cùng ngày, Đ sử dụng ứng dụng tài khoản Ngân hàng Techcombank của chị Q để vào ứng dụng nạp tiền điện thoại, duy trì đăng nhập và sử dụng mã xác thực 0407 để nạp vào 07 số điện thoại khác nhau 0984.689..., 0985.689..., 0984.686..., 0984.685..., 0984.686..., 0986.956... và 0986.657..., mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền 350.000 đồng; trong đó có số thuê bao 0984.689... của ông Phạm Văn T1 (Bố đẻ Đ), 06 số điện thoại còn lại do Đ tự nghĩ ra. Khi biết tài khoản Ngân hàng của chị Q chưa bị khóa và vẫn chuyển được tiền, nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản Ngân hàng của chị Q bằng cách đến các cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại có làm dịch vụ chuyển tiền để chuyển tiền từ tài khoản của chị Q đến tài khoản của chủ cửa hàng và chủ cửa hàng đưa lại tiền mặt cho Đ.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ rủ T1 đi sang thành phố Hưng Yên thực hiện việc chuyển khoản, lấy tiền trong tài khoản của chị Q; T1 đồng ý và cả hai thống nhất chỉ rút tối đa 20.000.000 đồng từ tài khoản của chị Q. T1 mượn xe mô tô của người khách hay đến cửa hàng chỉ biết tên là C (T1 không nhớ BKS chiếc xe, không biết lai lịch cụ thể của C), rồi điều khiển xe mô tô chở Đ đi đến cửa hàng điện thoại Hồ Gươm có địa chỉ tại số 102, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; T1 đứng ngoài còn Đ vào cửa hàng nhập mật khẩu mở khóa màn hình, đăng nhập vào ứng dụng tài khoản Ngân hàng của chị Q, dùng mã xác thực chuyển số tiền 1.920.000 đồng đến số tài khoản 7400100886... của anh Trần Văn T4. Sau đó, Đ và T1 đến các cửa hàng sửa chữa, kinh doanh điện thoại gần đó, T1 vẫn đứng ở ngoài còn Đ tiếp tục duy trì đăng nhập chuyển số tiền 1.910.000 đồng đến số tài khoản 7979200688... của anh Nguyễn Xuân G1 ở cửa hàng phụ kiện điện thoại có địa chỉ tại số 104 Đ, phường L, thành phố H; chuyển số tiền 1.920.000 đồng đến số tài khoản 1998292999... của anh Cao Văn H1 ở cửa hàng điện thoại H1 Mobile có địa chỉ tại số 172, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; chuyển số tiền 1.950.000 đồng đến số tài khoản 1671986888... của anh Nguyễn Đình Đ2; ở cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Đ có địa chỉ tại số 218, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; do quá thời gian đăng nhập nên tài khoản Ngân hàng của chị Q tự động đăng xuất. Cũng với phương thức, thủ đoạn nêu trên trong khoảng thời gian từ 17 giờ 41 phút đến 18 giờ Đ đã hai lần sử dụng mật khẩu mở khóa màn hình đăng nhập tài khoản Ngân hàng của chị Q và sử dụng mã xác thực chuyển từ tài khoản Ngân hàng của chị Q số tiền 1.930.000 đồng đến số tài khoản 7420187979... của anh Chu Hồng Đ3 có địa chỉ tại số 155, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

chuyển số tiền 1.930.000 đồng đến số tài khoản 3396886999... của anh Nguyễn Đức P ở cửa hàng điện thoại Apple Store có địa chỉ tại số 149, Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; chuyển số tiền 1.910.000 đồng đến số tài khoản 0333283... của anh Phan Văn D, ở cửa hàng điện thoại có địa chỉ tại số 347, L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; chuyển số tiền 1.930.000 đồng đến số tài khoản 6280125268... của anh Phạm Văn L, ở cửa hàng điện thoại H có địa chỉ tại số 315, L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau khi nhận được tiền do Đ chuyển, các anh Trần Văn T4, anh Nguyễn Xuân G1, Cao Văn H1, Nguyễn Đình Đ2, Chu Hồng Đ3, Nguyễn Đức P, Phan Văn D và Phạm Văn L đã đưa 1.900.000 đồng tiền mặt cho Đ, số tiền còn lại giữ lại làm phí rút tiền.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, chị Q đã gọi điện đến tổng đài Ngân hàng Techcombank yêu cầu khóa tài khoản số 19036605748.... Còn Đ và T1 tiếp tục đi đến cửa hàng điện thoại khác trên địa bàn thành phố Hưng Yên (Cả hai không nhớ địa chỉ cụ thể), Đ tiếp tục đăng nhập vào tài khoản của chị Q để chiếm đoạt tiền nhưng không chuyển khoản được do tài khoản Ngân hàng đã bị khóa và Đ thông báo cho T1 biết. Cả hai điều khiển xe mô tô đi về, trên đường đi Đ đã tháo chiếc sim số thuê bao 0965.901... của chị Q vứt đi và reset xóa toàn bộ dữ liệu trên điện thoại di động Iphone 13 của chị Q. Tổng số tiền Đ và T1 đã chiếm đoạt của chị Q thông qua việc truy cập tài khoản Ngân hàng là 15.750.000 đồng, bao gồm: 350.000 đồng tiền nạp thẻ điện thoại, 15.200.000 đồng Đ nhận được qua hình thức chuyển khoản và nhận tiền mặt, 200.000 đồng tổng chi phí rút tiền. Đ chia cho T1 7.500.000 đồng, còn Đ giữ lại 7.700.000 đồng và đều tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 31/01/2023, chị Nguyễn Thị Như Q và chị Lê Thị Hoài T3 đã đến trình báo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Liêm. Nhận được tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Liêm đã tiến hành xác định hiện trường, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để xác minh theo quy định của pháp luật. Căn cứ các tài liệu đã thu thập được ngày 02 và 03/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Liêm đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Quyết định tạm giữ, lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Quang Đ, Vũ Văn T, Nguyễn Văn N.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu của Vũ Văn T 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 màu hồng và số tiền 7.500.000 đồng. Thu giữ của Phạm Quang Đ 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax và số tiền 8.250.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Quang Đ và Vũ Văn T nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Liêm đã thu giữ tại bàn trang điểm ở phòng ngủ của N: 03 sim điện thoại có số seri lần lượt là 89840200010601357...; 8984048000009471..., 89840200011402489...; thu tại nóc tủ quần áo trong phòng ngủ của N 01 ví da nữ màu trắng KT (7x10) cm, bên trong ví có 01 Căn

cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn Thị Như Q, 02 Bảo hiểm xe mô tô; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 29G1-848... mang tên Lê Hải N1; 02 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Thẻ sinh viên đều mang tên Lê Thị Hoài T3.

Chị Đào Thị Nhị (Vợ N) tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô BKS 26P1-010... và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tráng Thị P1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02 ngày 07/02/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thanh Liêm kết luận: “01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng, dung lượng 256GB, số IMEI 356557844234..., đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 có giá 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A02S, màu trắng, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng); 01 túi xách nữ, màu trắng nâu, hình chữ nhật, KT (15x25) cm, có 01 quai đeo, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 là 0 đồng; 01 ví da nữ màu trắng, hình chữ nhật, KT (7x10) cm đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 là 0 đồng”.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thanh Liêm kết luận: “01 sim điện thoại có số thuê bao 0965.901.023, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 có giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng); 01 sim điện thoại có số thuê bao 0918.881.653, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/01/2023 có giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng)”.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chị Nguyễn Thị Như Q 01 điện thoại di động Iphone 13, 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe, 02 Bảo hiểm xe mô tô, 01 Đăng ký xe mô tô BKS 29G1-848... và số tiền 15.750.000 đồng; trả cho chị Lê Thị Hoài T3 01 ví da, 02 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Thẻ sinh viên; trả lại cho chị Đào Thị Nhị 01 xe mô tô BKS 26P1-010... và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Tráng Thị P1.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Như Q và chị Lê Thị Hoài T3 đã nhận lại số tiền, tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì đối với các bị cáo. Số tiền 2.500.000 đồng bị cáo T1 đã trả cho N để mua chiếc điện thoại Iphone 13, T1 không yêu cầu N bồi thường số tiền này.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cướp giật tài sản”; các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T phạm tội “Sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Các Điều 106, 136, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt các bị cáo Phạm Quang Đ 30 (Ba mươi) tháng tù, Vũ Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù; thời hạn tù của các bị cáo được tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/02/2023 đến ngày 10/02/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn N 04 năm 09 tháng tù; phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T; xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng theo luật định.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, các bị cáo Phạm Quang Đ, Vũ Văn T đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình tài liệu chứng minh gia đình có công với cách mạng, người thân là liệt sỹ; đồng thời nộp toàn bộ số tiền phạt, tiền án phí.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Xử phạt Phạm Quang Đ 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; Vũ Văn T 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 54 tháng; giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo không phải chịu.

Các bị cáo không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo đều trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp lệ cần được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã kết tội các bị cáo; lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản thu giữ vật chứng, giữ liệu điện thoại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại Quốc lộ 1A thuộc thôn Bói, xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô BKS 26P1-010... áp sát phía bên phải xe mô tô BKS 29G1-848... do chị Nguyễn Thị Như Q điều khiển phía sau chở chị Lê Thị Hoài T3, dùng tay trái giật chiếc túi

xách của chị T3 đang đặt trên đùi phải. Bên trong túi xách có 170.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 13, 01 điện thoại Samsung A02S đều lắp sim; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.720.000 đồng và một số đồ vật, giấy tờ tùy thân khác. Sau đó, N mang chiếc điện thoại Iphone 13 chiếm đoạt được bán cho Vũ Văn T với giá 2.500.000 đồng; sau khi mua chiếc điện thoại Iphone 13, Phạm Quang Đ đã mở được khoá màn hình, mật khẩu tài khoản Ngân hàng Techcombank và mật mã xác thực chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của chị Q. Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 16 phút đến 19 giờ ngày 18 tháng 01 năm 2023, các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T đã chiếm đoạt tiền từ tài khoản Ngân hàng Techcombank của chị Nguyễn Thị Như Q, với tổng số tiền 15.750.000 đồng. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T phạm tội “Sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Đ và T1 đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; đồng thời, bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh gia đình các bị cáo có người thân tham gia kháng chiến, được tặng thưởng Huân, Huy chương và có người thân là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho những người thực hiện các dịch vụ trên môi trường mạng nên cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Đ và T1 không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo thì thấy: Mặc dù, hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện nhiều lần nhưng mỗi lần đều dưới 2 triệu đồng và số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại không lớn; đồng thời, trả lại ngay cho bị hại khi hành vi phạm tội bị phát hiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã ân hận về việc làm của bản thân và có ý thức chấp hành pháp luật thông qua việc tự nguyện nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm; tuổi đời của các bị cáo còn rất trẻ, việc thực hiện hành vi phạm tội là nhất thời. Nhân thân của các bị cáo đều tốt và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú

rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục; đồng thời, buộc các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm, phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận mỗi bị cáo đã nộp số tiền 3.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam để đổi trừ khi thi hành án.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2023/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam về phần hình phạt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T phạm tội “Sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Phạm Quang Đ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/9/2023).

- Vũ Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 (Bốn) 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/9/2023).

Giao các bị cáo Phạm Quang Đ, Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Ghi nhận số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) mà ông Phạm Văn T1 (Nộp thay Phạm Quang Đ) theo Biên lai thu tiền số 0002197 ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Biên lai số 0002238 ngày 21 tháng 9 năm 2023; ghi nhận số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) mà ông Vũ Văn H (Nộp thay Vũ Văn T) theo Biên lai thu tiền số 0002198 ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Biên lai số 0002239 ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam để đối trừ khi thi hành án.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Phạm Quang Đ và Vũ Văn T không phải chịu.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Thanh Liêm;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND phường Yên Bắc, thị xã Duy Tiên;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Bộ phận HCTP;
- Tòa HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy